

VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Tận dụng cơ hội tại mốc hỗ trợ của VN-Index

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Nguyễn Thị Bảo Trân

tran.ntb@miraeasset.com.vn

Trần Thị Ngọc Hoà

hoa.ttn@miraeasset.com.vn

[Tóm tắt]

Thế giới

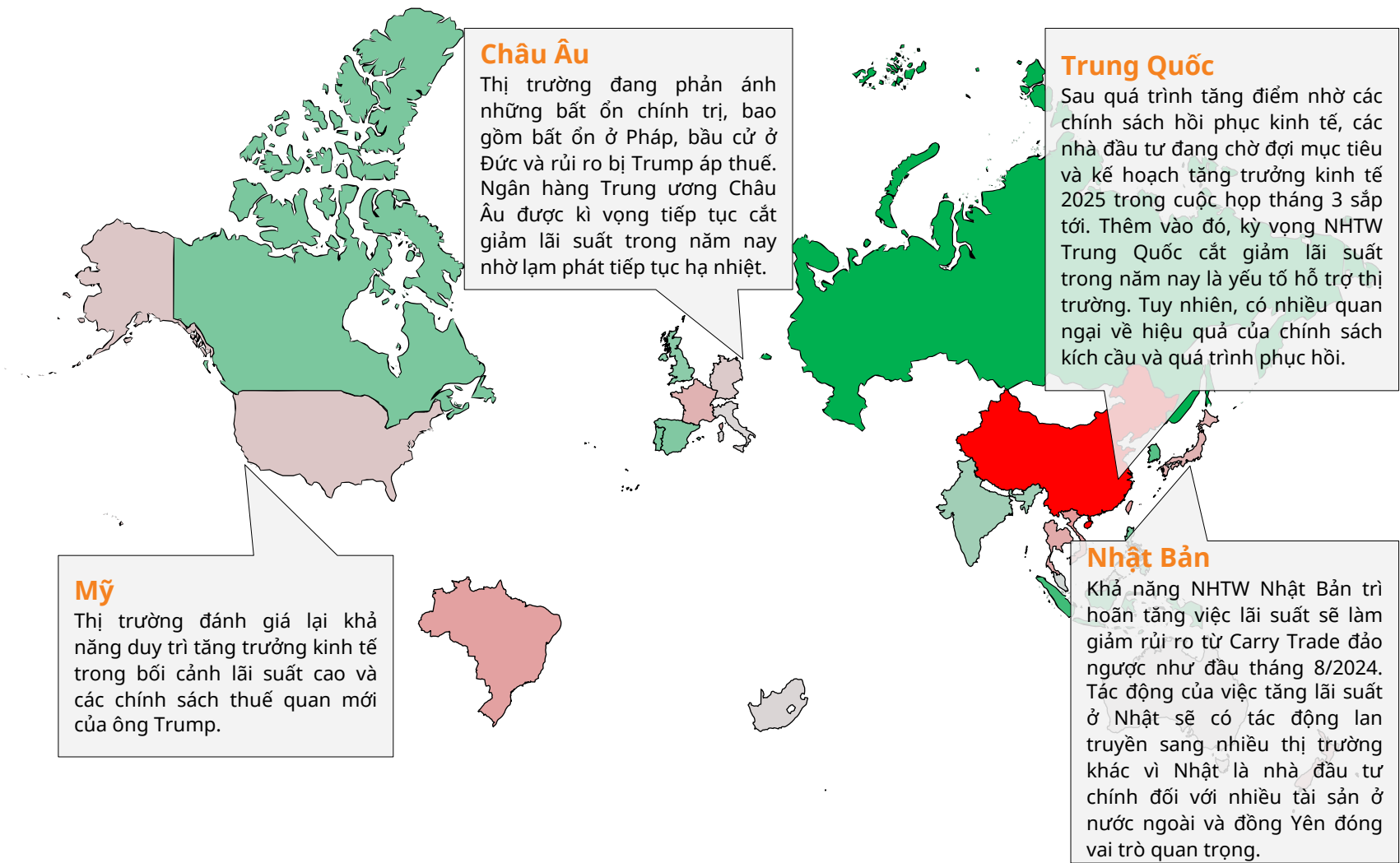
- **Mỹ:** Thị trường đánh giá lại khả năng duy trì tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh lãi suất cao và các chính sách thuế quan mới của ông Trump. Dữ liệu được công bố gần đây cho thấy kinh tế Mỹ vẫn tốt, do đó, thị trường tương lai đang lưỡng lự giữa khả năng một hoặc hai lần Fed cắt giảm lãi suất 25 điểm cơ bản trong năm nay. Thứ 5 tuần này, biên bản cuộc họp tháng 12 của Fed được công bố sẽ giúp nhà đầu tư có thêm thông tin chi tiết.
- **Châu Âu:** Thị trường đang phản ánh những bất ổn chính trị, bao gồm bất ổn ở Pháp, bầu cử ở Đức và rủi ro bị Trump áp thuế. Số liệu lạm phát tháng 12 được công bố vào thứ 3 tuần này dự kiến sẽ tăng; tuy nhiên, bức tranh toàn cảnh vẫn là xu hướng hạ nhiệt của lạm phát, tạo kỳ vọng Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) tiếp tục cắt giảm trong năm nay.
- **Trung Quốc:** Các nhà đầu tư đang chờ đợi mục tiêu và kế hoạch tăng trưởng kinh tế 2025 trong cuộc họp tháng 3 sắp tới. Thêm vào đó, kỳ vọng NHTW Trung Quốc (PBoC) cắt giảm lãi suất trong năm nay là yếu tố hỗ trợ thị trường. Số liệu được công bố tuần này, bao gồm lạm phát tháng 12 có khả năng tiếp tục giảm và chỉ số giá sản xuất PPI tháng 12 có thể thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước. Điều này có thể suy luận là các chính sách kích thích kinh tế của Chính phủ vẫn chưa thể thúc đẩy nhu cầu phục hồi đáng kể.

Việt Nam

- **Trong bối cảnh đồng USD mạnh (DXY: +7,1%), đồng nội tệ VND mất giá 5% trong năm 2024 (mức cao nhất kể từ năm 2016). Áp lực mất giá đồng nội tệ tiếp tục cao những ngày đầu năm trong bối cảnh chỉ số DXY tiếp tục tăng lên mức cao nhất trong 2 năm, quanh mốc 109 điểm.** Bên cạnh việc can thiệp qua nghiệp vụ thị trường mở OMO, NHNN cuối tuần trước công bố phương án bán ngoại tệ can thiệp như sau: Ngày 3/1 và ngày 6/1, chuyển từ bán USD giao ngay (spot) sang bán kỳ hạn (forward) đáo hạn vào ngày 23/1 (tuần giao dịch cuối cùng trước nghỉ Tết Nguyên đán) với cùng mức tỷ giá 25.450; và cho phép hủy 2-3 lần dựa trên quy mô giao dịch. Kế hoạch này được hỗ trợ bởi mùa cao điểm kiều hối trước Tết Nguyên đán. Sau thông báo của NHNN, tỷ giá hối đoái đã hạ nhiệt nhẹ, -0,2% YTD tính đến ngày 3 tháng 1 năm 2025.
- **Thanh khoản tiếp tục suy yếu** với giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân giảm 16% WoW xuống chỉ còn 10 nghìn tỷ đồng mỗi phiên. Theo phân loại nhà đầu tư, cá nhân trong nước tiếp tục mua ròng 2,8 nghìn tỷ đồng trong tuần trước, trong khi tổ chức trong nước và khối ngoại bán ròng lần lượt là 2 nghìn tỷ đồng và 0,8 nghìn tỷ đồng.
- **Tuần này, chúng tôi kỳ vọng VN-Index sẽ kiểm tra ngưỡng hỗ trợ 1.250 điểm. Với tiềm năng thị trường dài hạn, chúng tôi tin rằng có cơ hội tích lũy cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt.** Tiềm năng thị trường dài hạn được hỗ trợ bởi nền kinh tế vĩ mô vững chắc của Việt Nam và triển vọng lợi nhuận tích cực. Thứ 2 tuần này, dữ liệu vĩ mô năm 2024 của Việt Nam sẽ được công bố, với kỳ vọng tăng trưởng GDP hiện tại khoảng 7% và lạm phát dưới 4%. Đáng chú ý là dữ liệu về dòng ngoại hối vào Việt Nam bao gồm FDI, xuất khẩu và khách du lịch quốc tế; những dữ liệu này sẽ giúp đánh giá thêm nguồn cân bằng cho áp lực tỷ giá sắp tới trong bối cảnh dự trữ ngoại hối thấp chỉ khoảng 80-82 tỷ USD.

① Bối cảnh toàn cầu

Quốc gia	Chỉ số	Giá đóng cửa	% WoW
Việt Nam	VNINDEX	1,254.59	-1.61%
Mỹ	SPX	5,942.47	-0.48%
Canada	TSX	25,073.54	1.12%
Nhật	NKY	39,894.54	-0.96%
Trung Quốc	SHCOMP	3,211.43	-5.55%
Hồng Kông	Hang Seng	19,760.27	-1.64%
Đài Loan	TWSE	22,908.30	-1.58%
Hàn Quốc	KOSPI	2,441.92	1.54%
Ấn Độ	SENSEX	79,223.11	0.67%
Indonesia	JCI	7,164.43	1.82%
Thái Lan	SET	1,384.76	-1.19%
Singapore	STI	3,801.83	0.80%
Malaysia	FBMKLCI	1,629.46	0.08%
Philippines	PSEi	6,603.81	1.15%
UK	FTSE 100	8,223.98	0.91%
Pháp	CAC 40	7,282.22	-0.99%
Đức	DAX	19,906.08	-0.39%
Nga	MOEX	2,828.50	2.58%
Úc	ASX 200	8,250.49	-0.14%
New Zealand	NZX 50	13,067.83	-1.04%



① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Thị trường hàng hoá

Giá dầu tương lai tăng 5% trong tuần trước lên mức 73,96 USD/thùng - mức cao nhất hai tháng, do:

- Dự báo thời tiết lạnh hơn dự kiến sẽ thúc đẩy nhu cầu cho sưởi ấm.
- Các giải pháp của Trung Quốc như tăng lương cho công chức và tăng đáng kể nguồn vốn huy động từ phát hành trái phiếu kho bạc siêu dài hạn, nhằm thúc đẩy đầu tư kinh doanh và tiêu dùng tại quốc gia nhập khẩu dầu lớn nhất thế giới này.
- Tồn kho dầu thô của Hoa Kỳ giảm tuần thứ 6 liên tiếp xuống còn 415,6 triệu thùng trong tuần kết thúc vào ngày 27/12/2025.

Loại hàng hóa	Tên	Đơn vị	Giá (USD)	% DoD	% WoW	% MoM	YTD	% YoY	% 3Y
Tiền điện tử	Bitcoin	USD/BTC	97,682.40	1.2%	2.5%	0.7%	4.4%	121.2%	124.9%
	Vàng	USD/ozt	2,654.70	-0.5%	1.4%	0.2%	0.5%	28.3%	45.3%
Kim loại	Bạc	USD/ozt	30.07	0.6%	0.8%	-4.7%	2.8%	27.7%	29.6%
	Thép cuộn Mỹ (HRCc3)	USD/st	763.00	-0.3%	-1.9%	-0.3%	-1.3%	-20.5%	-37.8%
	Quặng sắt 62%	USD/mt	99.44	-1.2%	-4.3%	-6.4%	-4.0%	-29.7%	-19.9%
	Đồng	USD/Lbs	4.07	1.2%	-0.7%	-2.8%	1.2%	6.4%	-7.6%
	Platin (bạch kim)	USD/ozt	948.30	2.8%	1.9%	0.7%	4.2%	-2.1%	-5.4%
	Paladi	USD/ozt	922.50	1.1%	1.8%	-5.4%	1.4%	-11.8%	-50.6%
	Nhôm	USD/tấn	2,496.00	-1.4%	-2.5%	-5.6%	-2.4%	9.8%	-14.6%
	Kẽm	USD/tấn	2,894.00	-1.2%	-4.8%	-7.0%	-3.2%	12.9%	-19.3%
	Ni-ken	USD/tấn	15,876.00	-1.9%	0.0%	-0.5%	0.0%	-3.0%	-23.1%
Năng lượng	Dầu Thô WTI	USD/thùng	73.96	1.1%	4.8%	8.3%	3.1%	0.2%	-5.0%
	Dầu Brent	USD/thùng	76.51	0.8%	3.2%	6.7%	2.5%	-2.6%	-4.6%
	Khí Tự nhiên	USD/MMBtu	3.35	-8.5%	-4.6%	8.9%	-7.7%	28.0%	-9.6%
	Dầu Nhiên liệu	USD/gallon	2.33	0.0%	3.6%	8.1%	0.6%	-9.5%	-3.7%
Thực phẩm	Lúa mì Hoa Kỳ	USD/100 gia	529.25	-3.0%	-3.2%	-5.2%	-4.0%	-14.1%	-30.4%
	Thóc	USD/CWT	13.93	-1.4%	-0.1%	-8.1%	-1.2%	-21.0%	-5.0%
	Yến mạch	USD/100 gia	322.25	-2.2%	1.3%	-5.6%	-2.5%	-8.7%	-53.0%
	Bắp Hoa Kỳ	USD/100 gia	450.75	-1.8%	-0.7%	3.6%	-1.7%	-2.2%	-25.2%
	Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 gia	981.00	-1.9%	0.1%	-1.3%	-1.7%	-21.5%	-29.1%
	Dầu Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 Lbs	39.93	-0.8%	-0.2%	-5.6%	-1.1%	-16.2%	-32.8%
	Khô Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 tấn	308.60	-3.5%	-0.6%	6.0%	-2.6%	-16.5%	-25.4%
	Ca Cao Hoa Kỳ	USD/tấn	11,567.00	3.9%	17.1%	17.4%	0.2%	177.4%	362.5%
	Cà phê Hoa Kỳ loại C	USD/100 Lbs	318.65	-2.5%	-1.2%	1.6%	-0.3%	76.0%	37.5%
	Đường Hoa Kỳ loại 11	USD/100 Lbs	19.65	-0.4%	1.5%	-7.3%	2.0%	-6.9%	7.1%
	Nước Cam	USD/100 Lbs	505.95	2.8%	0.8%	6.1%	1.7%	58.0%	254.2%
	Bê	USD/100 Lbs	194.05	0.2%	0.3%	3.8%	0.1%	13.8%	41.4%
	Heo nạc	USD/100 Lbs	80.78	-0.5%	-4.0%	-2.0%	-0.6%	15.4%	-1.8%
	Bê đực non	USD/100 Lbs	264.18	-0.8%	1.4%	3.6%	0.5%	17.9%	63.0%
Khác	Gỗ	USD/MBF	542.50	0.4%	-3.7%	-6.1%	-1.5%	-1.5%	-53.2%
	Cao su (TSR20)	USD/kg	187.60	-3.1%	-3.2%	-6.9%	-5.0%	21.7%	7.1%
	Cotton Hoa Kỳ loại 2	USD/100 Lbs	67.66	-1.3%	-1.8%	-6.5%	-1.1%	-15.6%	-41.8%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 03/01/2025.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Sự kiện vĩ mô thế giới chính sẽ công bố trong tuần

- Mỹ:** Kỳ vọng chung của thị trường là sự “exceptionalism” (ngoại lệ) của nền kinh tế Mỹ sẽ tiếp tục trong năm 2025. Thị trường kỳ vọng **số cơ hội việc làm JOLTs (công bố thứ Ba)** sẽ vẫn ổn định, **số đơn xin trợ cấp thất nghiệp (thứ Năm)** vẫn ở mức thấp, **bảng lương phi nông nghiệp (thứ Sáu)** vẫn cao. Các dữ liệu này phù hợp với quan điểm của Fed rằng nền kinh tế vẫn tốt, ủng hộ cho lập trường sẽ cắt giảm lãi suất 50 điểm cơ bản trong năm nay (**biên bản cuộc họp của FOMC, thứ Năm**).
- Châu Âu:** Mặc dù **số liệu lạm phát HICP tháng 12 (thứ Ba)** dự kiến sẽ tăng nhẹ do hiệu ứng so sánh với mức nền thấp của giá nhiên liệu cùng kỳ năm trước, nhưng bức tranh toàn cảnh vẫn là tình trạng giảm phát tổng quát cho phép Ngân hàng Trung ương Châu Âu tiếp tục cắt giảm trong năm nay.
- Trung Quốc:** Số liệu được công bố thứ 5 tuần này, bao gồm lạm phát tháng 12 có khả năng tiếp tục giảm về mức 0 và chỉ số giá sản xuất PPI tháng 12 có thể thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước. Điều này có thể suy luận là các chính sách kích thích kinh tế của Chính phủ vẫn chưa thể thúc đẩy nhu cầu phục hồi đáng kể.

Ngày	Quốc gia	Sự kiện vĩ mô thế giới chính sẽ công bố trong tuần	Kỳ trước	Kỳ vọng
7/1/25				
5:00 PM	EA	CPI (Tháng 12)	2.2%	2.4%
5:00 PM	EA	CPI cơ bản (Tháng 12)	2.7%	2.7%
5:00 PM	EA	Tỷ lệ thất nghiệp (Tháng 11)	6.3%	6.4%
8:30 PM	US	Cán cân thương mại (Tháng 11)	US\$-73.8B	US\$-77.5B
10:00 PM	US	PMI Dịch vụ - ISM (Tháng 12)	52.1	53.5
10:00 PM	US	Cơ hội việc làm JOLTs (tháng 11)	7.744M	7.65M
8/1/25				
5:00 PM	EA	Niềm tin người tiêu dùng (Tháng 12)	-13.7	-14.5
5:00 PM	EA	Chỉ số tâm lý kinh tế (Tháng 12)	95.8	95.6
5:00 PM	EA	Chỉ số tâm lý công nghiệp (Tháng 12)	-11.1	-11.4
5:00 PM	EA	PPI Tháng 11 (MoM)	0.4%	1.6%
5:00 PM	EA	PPI Tháng 11 (YoY)	-3.2%	-1.2%
9/1/25				
2:00 AM	US	Biên bản cuộc họp FOMC		
5:00 PM	EA	Doanh số bán lẻ tháng 11 (MoM)	-0.5%	0.5%
5:00 PM	EA	Doanh số bán lẻ tháng 11 (YoY)	1.9%	1.7%
8:30 PM	US	Đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu ngày 4/1	211K	210K
	CN	CPI tháng 12 (YoY)	0.2%	0.1%
	CN	PPI tháng 12 (YoY)	-2.5%	-2.4%
10/1/25				
8:30 PM	US	Tỷ lệ thất nghiệp (Tháng 12)	4.2%	4.2%
8:30 PM	US	Bảng lương phi nông nghiệp (Tháng 12)	227K	150K
8:30 PM	US	Bảng lương phi nông nghiệp tư nhân (Tháng 12)	194K	130K
8:30 PM	US	Thu nhập trung bình mỗi giờ tháng 12 (MoM)	0.4%	0.3%
8:30 PM	US	Thu nhập trung bình mỗi giờ (YoY)	4%	4%
8:30 PM	US	Số giờ trung bình hàng tuần (Tháng 12)	34.3	34.3
10:00 PM	US	Niềm tin người tiêu dùng Michigan (sơ bộ; tháng 1)	74	74.5
	CN	Khoản vay Nhân dân tệ mới (Tháng 12)	CNY580B	CNY690.0B
	CN	Cung tiền M2 Tháng 12 (YoY)	7.1%	7.3%
	CN	Tăng trưởng dự nợ cho vay Tháng 12 (YoY)	7.7%	7.5%

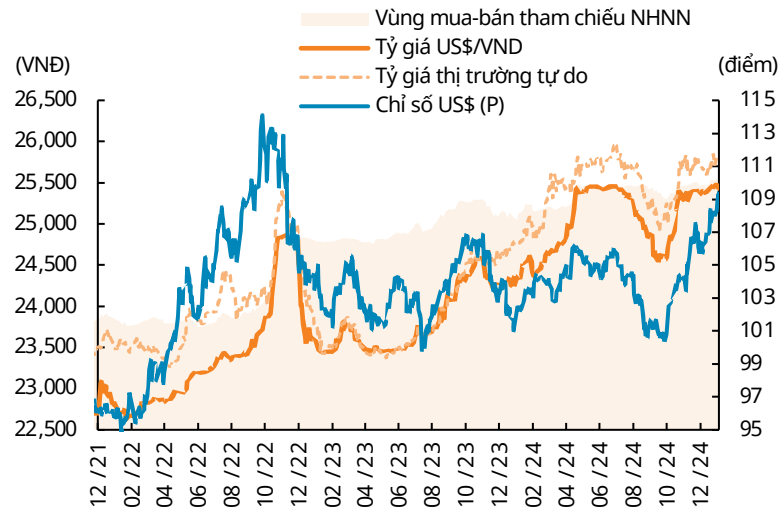
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Trading Economics và Bloomberg.
Tất cả thời gian đều là giờ địa phương của Việt Nam.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam

Nỗ lực của Ngân hàng Nhà nước trước áp lực mất giá đồng nội tệ

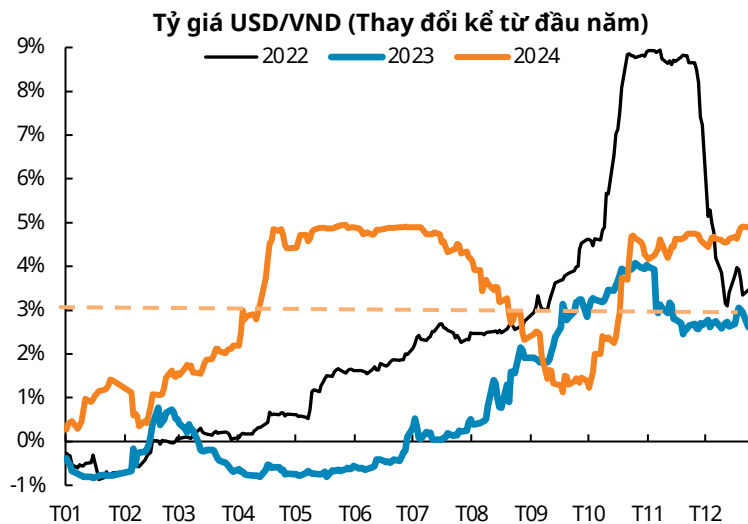
- Trong bối cảnh đồng USD mạnh (DXY: +7,1%), đồng nội tệ VND mất giá 5% trong năm 2024 (mức cao nhất kể từ năm 2016).
- Tuần trước, áp lực mất giá đồng nội tệ tiếp tục cao trong bối cảnh chỉ số DXY tiếp tục tăng lên mức cao nhất trong 2 năm, quanh mốc 109 điểm (do số liệu kinh tế mới công bố gần đây cho thấy kinh tế Mỹ vẫn tốt và thị trường tương lai đang lường lự giữa khả năng một hoặc hai lần Fed cắt giảm lãi suất 25 điểm cơ bản trong năm nay).
- Nỗ lực của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) trước áp lực mất giá đồng nội tệ:**
 - NHNN công bố phương án bán ngoại tệ can thiệp tại mức tỷ giá 25.450:** Ngày 3/1 và ngày 6/1, chuyển từ bán USD giao ngay (spot) sang bán kỳ hạn (forward) đáo hạn vào ngày 23/1 (tuần giao dịch cuối cùng trước nghỉ Tết Nguyên đán) với cùng mức tỷ giá 25.450; và cho phép hủy 2-3 lần dựa trên quy mô giao dịch. Kế hoạch này được hỗ trợ bởi mùa cao điểm kiều hối trước Tết Nguyên đán.
 - Đồng thời, NHNN sử dụng Nghiệp vụ thị trường mở (OMO) để quản lý thanh khoản trên thị trường liên ngân hàng. Tuần trước, NHNN đã phát hành tín phiếu ở hai kỳ hạn 7 ngày và 14 ngày với lãi suất 4%, với tổng giá trị 46,1 nghìn tỷ đồng. Đồng thời, NHNN đã mua kỳ hạn 7 ngày qua Reverse Repo (RRP) khoảng 9 nghìn tỷ đồng với lãi suất 4%.
 - Sau thông báo của NHNN, tỷ giá hối đoái đã hạ nhiệt nhẹ, -0,2% YTD tính đến ngày 3 tháng 1 năm 2025.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



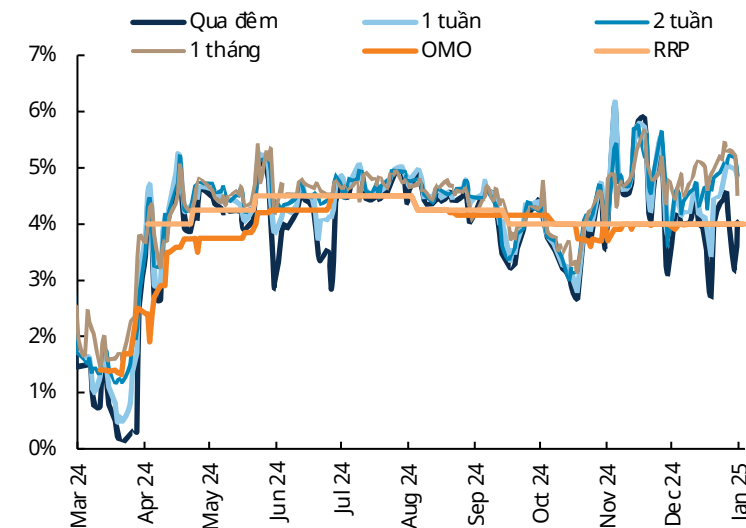
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN, cập nhật tới 03/01/2025.

Phân tích tính mùa vụ (seasonal) của tỷ giá



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 03/01/2025.

Lãi suất liên ngân hàng



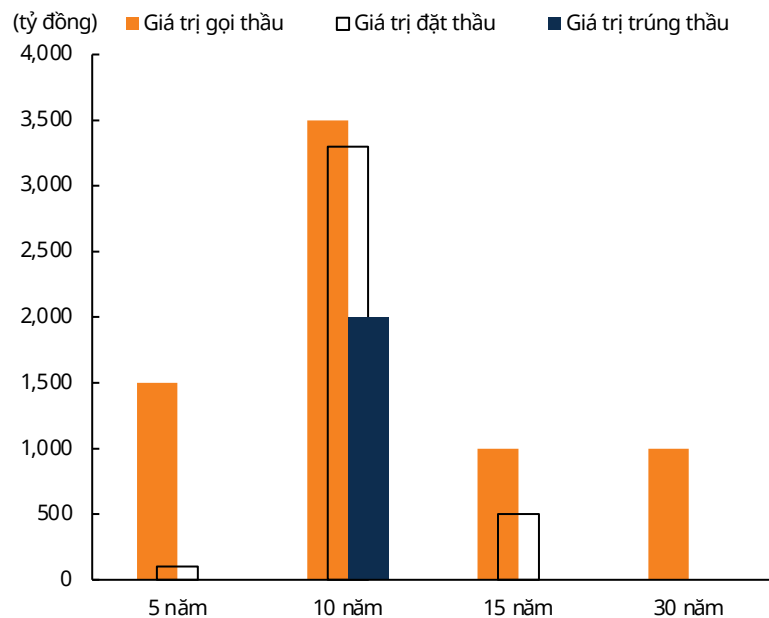
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 02/01/2025.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Trái phiếu chính phủ

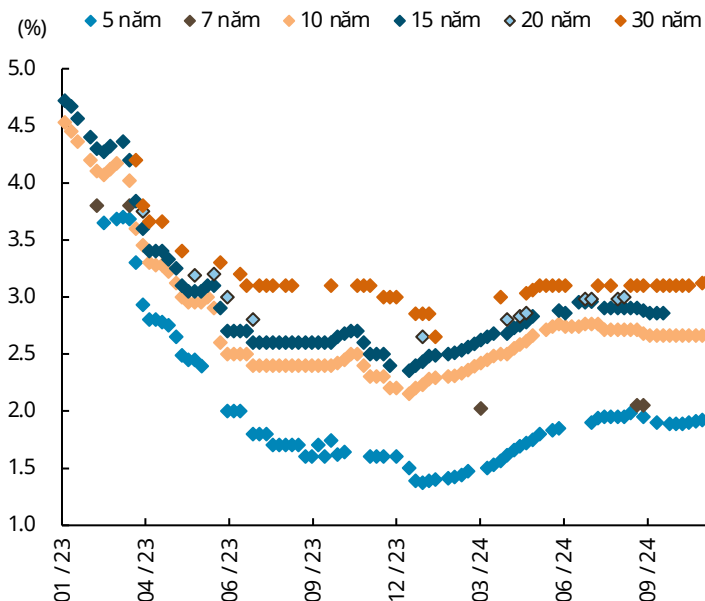
- **Phát hành trái phiếu chính phủ: Lực cầu yếu**
 - Trong ngày 2/1/2025, Kho bạc Nhà nước chỉ huy động thành công 2 nghìn tỷ đồng cho kỳ hạn 10 năm (tương ứng với 28,6% tổng giá trị gọi thầu) với tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu (bid-to-cover) đạt 0,6x.
 - Lợi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm không đổi so với tuần trước, ở mức 2.77%.
- **Trên thị trường thứ cấp, lợi suất trái phiếu tăng nhẹ trên hầu hết các kỳ hạn so với tuần trước đó trong tuần kết thúc ngày 3/1/2025:** 1 năm (1,975%, +0,8 bps); 2 năm (2%, +1,7 bps); 5 năm (2,297%, +0,3 bps); 7 năm (2,539%, +1,7 bps); 10 năm (2,979%, +0,5 bps); 15 năm (3,144%, +2,7 bps); 20 năm (3,175%, -0,4 bps); 30 năm (3,279%, +1,2bps).

Giá trị trúng thầu từ buổi đấu thầu gần nhất



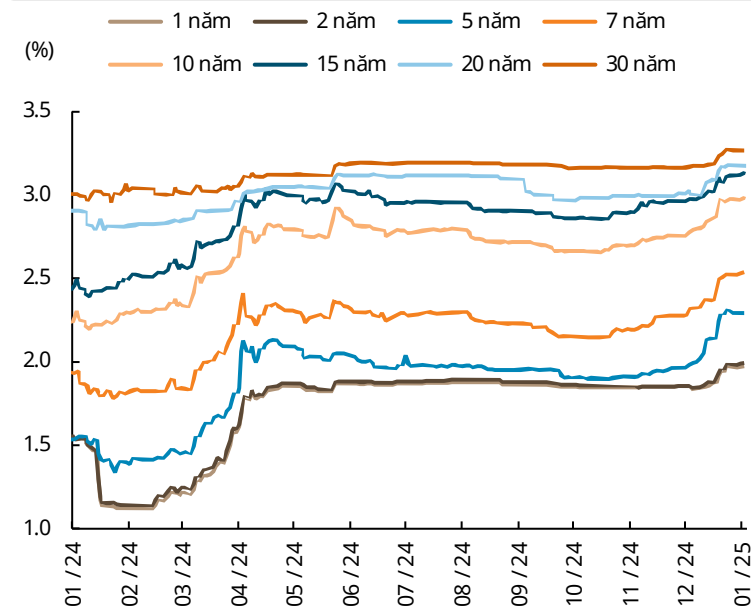
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 03/01/2025.

Lợi suất trúng thầu trên thị trường sơ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 03/01/2025.

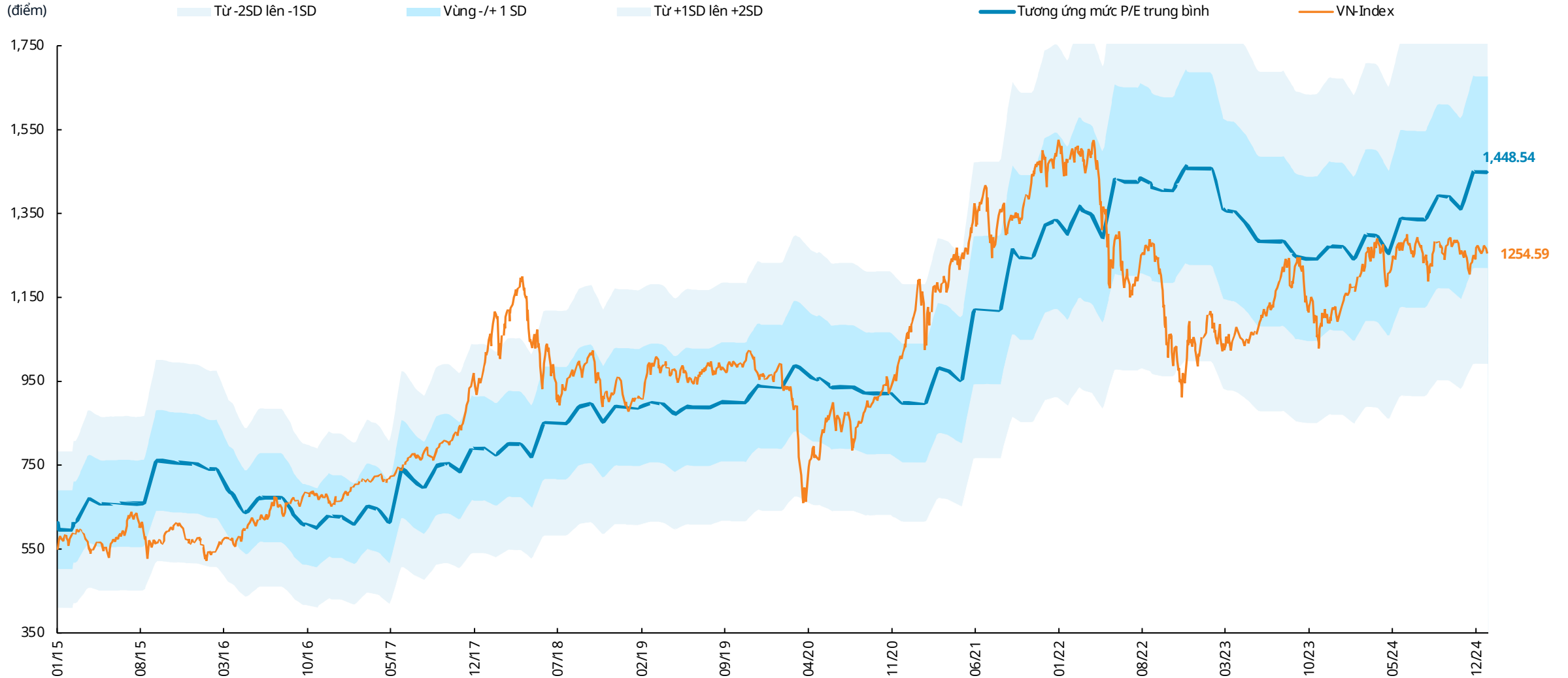
Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 03/01/2025.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam

Định giá VN-Index so với giá trị P/E bình quân trong 10 năm gần nhất

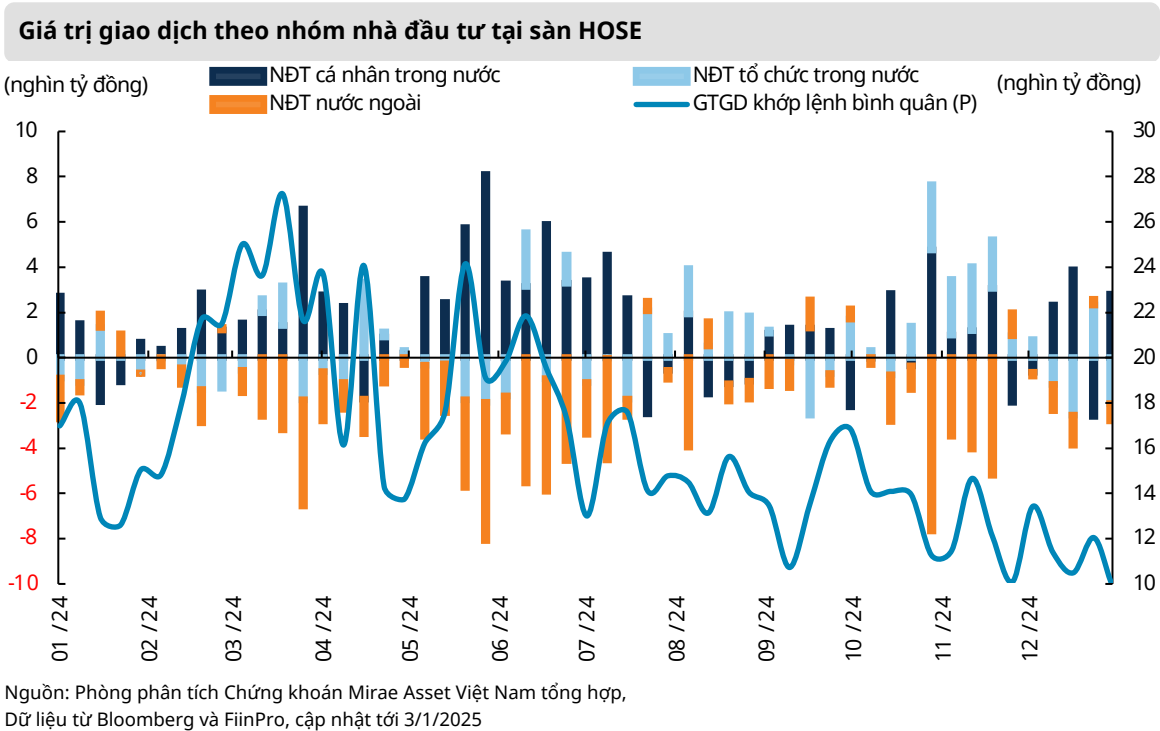


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 03/01/2025.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Thanh khoản tiếp tục mất hút

- Thanh khoản tiếp tục suy yếu với giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân đạt khoảng 10 nghìn tỷ đồng mỗi phiên (-16% WoW).
- Theo phân loại nhà đầu tư, cá nhân trong nước tiếp tục mua ròng 2,8 nghìn tỷ đồng trong tuần trước, trong khi tổ chức trong nước và khối ngoại bán ròng lần lượt là 2 nghìn tỷ đồng và 0,8 nghìn tỷ đồng.
- Các quỹ ETF tiếp tục rút ròng 231 tỷ đồng trong tuần qua. Trong đó, phần lớn lượng rút ròng đến từ VacnEck Vietnam (-192 tỷ), Fubon FTSE Vietnam (-32 tỷ) và DCVFMVN30 (-23 tỷ); được cân bằng với lượng giải ngân đến từ DCVFMVN Diamond (+17 tỷ).



Đánh giá xếp hạng của chúng tôi về thanh khoản thị trường theo ngành ở 12 tuần gần nhất

Phân ngành công nghiệp GICS	Xu hướng dòng tiền trong 12 tuần				GTGD (WoW)
	13/12/2024	20/12/2024	27/12/2024	3/1/2025	
VN-Index				8%	-16%
Bảo hiểm				62%	-15%
Ngân hàng				54%	-15%
Phần mềm và dịch vụ				46%	9%
Dầu khí				31%	-33%
Bán lẻ				31%	-3%
Tiện ích				23%	-31%
Vận tải				23%	-32%
May mặc và trang sức				23%	-33%
Dịch vụ tài chính				23%	-7%
Xây dựng cơ bản				15%	-25%
Nguyên vật liệu				8%	-25%
Thực phẩm, đồ uống				8%	-20%
Bất động sản				8%	-25%

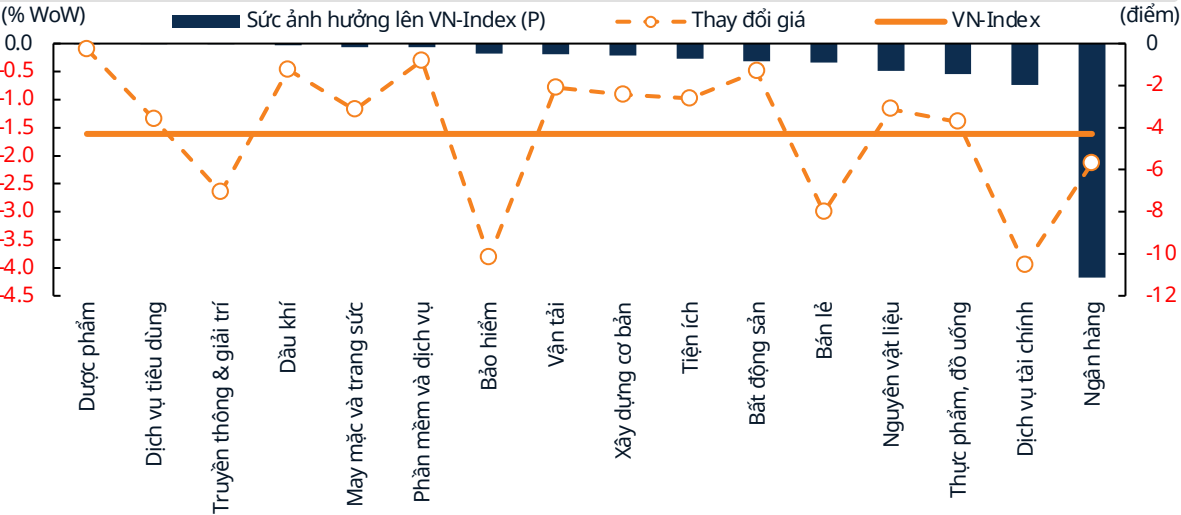
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. **Quy tắc đánh giá của chúng tôi:** Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. **Tích cực (xanh)** biểu thị 33,33% cao nhất; **Tiêu cực (đỏ)** là thấp nhất; và **Trung lập (vàng)** là ở giữa.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Áp lực giảm điểm đến từ cổ phiếu Ngân hàng

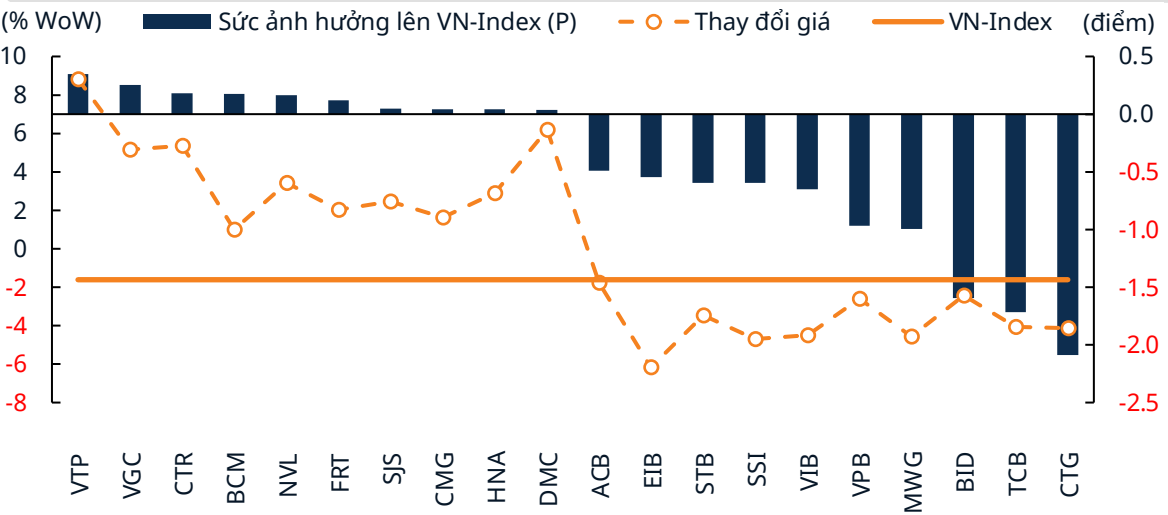
- Tuần trước, VN-Index giảm mạnh 20,6 điểm hay 1,61% WoW, cùng chiều với đà giảm của thị trường chứng khoán toàn cầu. Trong đó, nhóm Ngân hàng (CTG: -4,1%; TCB: -4,1%; BID: -2,4%; VPB: -2,6%; VIB: -4,5%; STB: -3,5%; EIB: -6,2%; ACB: -1,2%) là nguyên nhân chính khiến thị trường Việt Nam giảm mạnh, với mức giảm 11,2 điểm.
- Triển vọng giao dịch tuần tới: Kiểm tra ngưỡng 1.250 – cơ hội tích lũy
 - Tuần này, chúng tôi kỳ vọng VN-Index sẽ kiểm tra ngưỡng hỗ trợ 1.250 điểm. Với tiềm năng thị trường dài hạn, chúng tôi tin rằng có cơ hội tích lũy cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt. Tiềm năng thị trường dài hạn được hỗ trợ bởi nền kinh tế vĩ mô vững chắc của Việt Nam và triển vọng lợi nhuận tích cực. Thứ 2 tuần này, dữ liệu vĩ mô năm 2024 của Việt Nam sẽ được công bố, với kỳ vọng tăng trưởng GDP hiện tại khoảng 7% và lạm phát dưới 4%. Đáng chú ý là dữ liệu về dòng ngoại hối vào Việt Nam bao gồm FDI, xuất khẩu và khách du lịch quốc tế; những dữ liệu này sẽ giúp đánh giá thêm nguồn cân bằng cho áp lực tỷ giá sắp tới trong bối cảnh dự trữ ngoại hối thấp chỉ khoảng 80-82 tỷ USD.
 - Về các dữ liệu vĩ mô thế giới được công bố trong tuần này, trọng tâm chính bao gồm dữ liệu thị trường lao động Mỹ và biên bản cuộc họp của FOMC. Tại Châu Âu, lạm phát tháng 12 có thể tăng nhẹ do hiệu ứng cơ sở nhưng nhìn chung vẫn tiếp tục xu hướng hạ nhiệt, củng cố kỳ vọng ECB sẽ tiếp tục cắt giảm lãi suất trong năm 2025. Ở Trung Quốc, dữ liệu CPI và PPI tháng 12 được kỳ vọng vẫn tiếp tục suy yếu, hàm ý các chính sách kích thích kinh tế của Chính phủ vẫn chưa thể thúc đẩy nhu cầu phục hồi đáng kể và chuyển sự chú ý của nhà đầu tư sang các mục tiêu và kế hoạch tăng trưởng kinh tế trong kỳ họp tháng 3.

Hiệu suất giao dịch theo ngành



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 03/01/2025.

Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index trong tuần qua



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 03/01/2025.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		5,165,918	1,254.59	1,305.02	1,146.75	-1.19	-1.61	0.38	9.7	14.7	1.7	12.5	16.82	24.21
VN30 Index		3,580,829	1,320.58	1,372.66	1,149.61	-1.68	-1.95	0.87	15.3	11.5	1.6	14.8	20.19	15.35
VN70 Index		1,014,492	1,871.89	2,031.02	1,709.22	-1.48	-1.89	0.29	7.7	17.8	1.5	8.8	14.10	35.03
VNFinLead Index		2,204,091	2,091.57	2,188.53	1,874.38	-2.20	-2.90	2.22	13.1	8.5	1.3	15.3	19.39	11.44
Ngân hàng	VCB	514,196	92,000	98,200	85,000	0.11	-0.22	-1.08	8.88	14.9	2.7	19.8	23.0	7.1
	BID	263,485	38,200	46,860	35,744	0.00	-2.43	0.37	5.53	11.3	2.0	18.9	16.8	13.2
	CTG	199,764	37,200	38,800	28,700	-2.36	-4.12	3.62	34.78	9.3	1.4	16.5	27.1	2.9
	TCB	166,731	23,600	25,000	16,500	-3.08	-4.07	-0.21	44.79	7.4	1.2	16.8	22.5	0.0
	VPB	148,761	18,750	20,950	17,800	-2.09	-2.60	-2.34	-1.83	11.3	1.1	10.8	25.1	4.9
	MBB	131,066	24,700	26,200	20,100	-1.98	-1.40	3.13	28.98	6.1	1.2	22.0	23.2	0.0
	ACB	112,113	25,100	26,500	21,783	-1.95	-1.76	0.40	15.46	6.9	1.4	22.3	30.0	0.0
	LPB	90,814	30,400	31,300	13,827	-2.72	-1.94	4.59	118.51	9.4	2.2	28.8	0.8	4.3
	HDB	85,454	24,450	25,000	16,833	-2.59	-2.00	12.63	46.70	6.5	1.7	28.1	17.1	2.9
	STB	68,056	36,100	37,400	26,150	-2.43	-3.48	10.74	26.67	7.8	1.3	18.4	23.8	6.2
	VIB	57,050	19,150	21,368	17,308	-2.79	-4.49	1.86	11.47	8.0	1.4	18.9	5.0	0.0
	SSB	47,628	16,800	21,128	15,200	0.30	-0.59	-1.18	-18.09	10.2	1.4	15.0	0.1	4.9
	TPB	42,800	16,200	18,100	13,667	-2.11	-3.28	1.25	11.40	8.8	1.2	14.2	30.0	0.0
	SHB	37,540	10,250	12,450	10,150	0.00	-0.49	-0.49	-8.89	4.9	0.7	14.6	2.8	27.2
	EIB	33,995	18,250	21,600	15,187	-2.67	-6.17	-1.35	3.87	12.6	1.4	11.8	2.4	27.6
	MSB	29,380	11,300	13,200	10,077	-2.16	-3.42	-0.88	12.57	6.7	0.8	13.3	27.5	2.5
	OCB	26,754	10,850	13,333	10,200	-1.81	-0.91	0.46	-5.99	12.2	0.9	7.4	19.2	2.8
Dịch vụ tài chính	SSI	49,733	25,350	31,461	23,800	-2.31	-4.70	4.32	-4.38	16.2	2.0	12.6	40.4	59.6
	VCI	23,554	32,800	42,308	31,692	-2.38	-2.81	-0.61	-0.14	23.0	2.2	10.2	25.1	74.9
	HCM	20,555	28,550	31,300	23,500	-2.56	-3.06	3.63	15.12	20.0	2.0	10.9	44.5	4.5
	VND	18,800	12,350	21,653	12,300	-1.98	-3.89	-10.18	-37.10	7.5	1.0	13.0	11.8	88.3
	VIX	14,381	9,860	14,131	9,098	-0.80	-2.86	-0.20	-11.16	15.0	0.9	6.0	5.2	94.8
	EVF	6,693	8,800	18,056	8,800	-3.30	-7.85	-16.59	-42.92	14.3	0.8	7.0	0.5	14.5
	TCI	1,008	8,720	12,227	7,560	1.16	-0.91	10.38	-26.04	16.6	0.8	4.7	5.2	94.8
Bảo hiểm	BVH	36,931	49,750	54,800	38,200	-3.40	-4.88	-4.51	25.00	18.7	1.6	8.9	26.6	22.4
	MIG	3,505	17,650	21,664	15,334	-3.02	0.86	-2.49	3.98	12.1	1.6	13.3	16.8	83.2

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 03/01/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Nguyên vật liệu	HPG	170,140	26,600	29,950	24,591	-1.48	-0.93	-1.48	5.25	14.0	1.5	11.5	21.7	27.3
	GVR	121,200	30,300	38,200	20,300	-0.66	-1.30	-1.94	40.28	35.2	2.3	6.7	0.3	12.7
	DGC	43,864	115,500	134,000	87,800	-0.94	-1.28	5.10	22.87	15.8	3.2	21.4	18.1	30.9
	DCM	18,608	35,150	40,050	29,850	-1.40	-3.17	-5.00	8.15	13.4	1.9	14.3	5.8	43.2
	DPM	13,912	35,550	39,950	31,050	0.42	-0.14	-0.84	4.71	21.3	1.3	5.8	8.7	40.3
	HSG	11,302	18,200	25,600	18,200	-2.41	-3.19	-2.41	-19.65	21.8	1.0	4.8	10.0	39.1
	PHR	7,127	52,600	65,900	47,950	-0.75	-1.50	-8.84	5.20	18.5	1.8	10.4	17.9	31.1
	NKG	6,423	14,350	21,150	14,350	-2.05	-1.71	-4.06	-23.88	10.7	0.8	8.0	7.6	42.5
Bất động sản	VHM	164,296	40,000	46,000	34,600	0.00	-0.87	-2.20	-7.83	8.4	0.9	11.0	12.3	37.7
	VIC	154,858	40,500	48,700	40,150	-0.12	-0.12	0.25	-8.27	15.6	1.1	7.5	10.0	38.0
	BCM	72,968	70,500	74,000	50,700	-0.42	1.00	6.17	14.63	27.8	3.8	15.3	2.2	31.8
	VRE	39,084	17,200	27,200	17,000	-0.58	0.29	-2.82	-26.02	9.6	1.0	10.5	18.9	30.1
	KDH	35,188	34,800	35,950	27,045	-1.00	-2.79	5.78	24.29	71.2	2.1	2.9	37.3	12.7
	KBC	20,840	27,150	35,900	24,600	-0.91	-1.81	-3.04	-14.89	46.5	1.1	2.4	18.7	30.3
	VPI	18,819	58,800	59,900	44,917	-1.84	-0.51	-0.68	28.06	67.3	4.3	6.6	11.2	37.9
	PDR	17,856	20,450	29,724	16,950	-1.21	-0.73	-1.21	-17.69	37.3	1.6	4.5	7.6	42.5
	SIP	17,095	81,200	86,800	54,261	-0.98	-2.29	-2.99	45.23	15.6	4.0	28.4	4.6	44.4
	NLG	13,882	36,050	45,850	35,750	-1.10	-0.96	-4.25	-2.57	48.2	1.5	3.2	44.3	5.7
	DXG	11,315	15,700	20,300	12,550	0.00	0.00	-8.99	-18.02	81.3	1.1	1.3	18.8	31.2
	IJC	5,232	13,850	16,950	12,429	-1.77	-0.72	2.59	8.69	17.7	1.0	5.8	4.7	44.3
	NTC	5,107	212,800	240,000	179,500	-0.09	-0.75	6.40	10.55	17.0	5.3	35.8	2.2	-2.2
	DXS	4,025	6,950	8,680	5,500	-2.52	-2.93	-9.15	-7.82	N/A	0.7	-0.2	19.0	31.0
	LHG	1,768	35,350	43,700	29,500	-0.84	-1.94	-3.94	19.83	8.9	1.1	12.7	17.4	31.6
Xây dựng cơ bản	VEA	53,285	40,100	50,900	34,000	1.26	0.25	4.70	17.60	8.6	2.1	24.6	1.9	47.1
	REE	30,804	65,400	72,000	47,826	-2.39	-3.82	-3.54	30.57	16.9	1.7	10.4	49.0	0.0
	IDC	18,249	55,300	64,300	50,800	-1.25	-1.07	0.91	5.94	8.3	3.5	45.2	22.6	26.4
	GEX	15,814	18,400	25,300	17,800	-3.16	-4.91	-1.60	-18.40	15.1	1.2	8.0	5.7	44.3
	CTR	14,813	129,500	162,000	86,100	3.19	5.37	3.60	41.53	27.9	8.8	30.2	10.4	38.6
	DIG	11,679	19,150	33,950	18,800	-0.78	0.79	-5.67	-27.19	414.2	1.5	0.4	4.2	44.8
	BMP	10,912	133,300	136,100	93,000	0.15	-1.11	8.02	24.58	10.7	3.7	34.4	84.1	15.9
	VCG	10,835	18,100	23,482	17,050	-1.09	-0.55	2.26	-19.24	13.5	1.4	10.8	4.8	44.2

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 03/01/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	TCH	9,890	14,800	21,650	12,600	-2.31	-4.21	-4.52	13.41	10.5	1.1	10.7	5.2	45.8
	HDG	9,636	28,650	32,000	22,591	-1.38	-1.38	0.00	18.92	14.5	1.6	11.2	20.0	30.0
	PC1	8,118	22,700	27,783	21,304	-0.22	-0.44	-1.73	-8.24	19.1	1.5	8.1	13.1	36.9
	SZC	7,541	41,900	45,000	34,550	-1.41	-1.64	1.58	19.38	26.1	2.5	11.7	2.2	17.8
	CTD	6,815	68,200	78,100	61,000	-2.01	0.00	1.94	-3.94	20.4	0.8	3.9	49.0	0.0
	DPG	2,929	46,500	62,500	38,100	-2.11	0.32	-9.53	18.02	14.0	1.6	11.7	6.1	42.9
Thực phẩm và Đồ uống	MCH	172,101	237,500	247,000	90,000	-3.85	0.42	5.56	159.56	24.0	6.6	29.7	2.7	47.3
	VNM	131,667	63,000	75,600	62,900	-0.16	-1.25	-1.41	-8.70	15.3	4.2	27.7	51.5	48.5
	MSN	100,253	69,700	81,400	64,600	-1.55	-0.99	-4.13	1.16	77.2	3.4	4.8	26.2	22.8
	SAB	70,541	55,000	69,400	52,000	-1.08	-1.43	-2.14	-13.39	16.5	2.8	17.2	60.8	39.3
	QNS	19,081	51,900	52,200	43,600	0.19	-0.19	2.57	14.07	7.2	1.8	26.9	13.5	35.5
	KDC	17,012	58,700	62,624	49,600	-0.34	-0.17	16.24	1.02	N/A	2.5	-6.7	18.3	31.7
	VHC	15,824	70,500	80,000	63,400	-0.84	-1.95	-4.34	12.05	17.3	1.8	10.4	28.0	72.0
	SBT	9,293	12,550	13,900	10,700	-2.33	-3.46	1.21	-5.64	15.5	0.9	6.4	21.4	78.6
	DBC	9,287	27,750	32,304	21,765	-1.94	-2.80	3.93	18.37	13.3	1.4	9.6	8.5	40.5
Tiện ích	PAN	4,878	23,350	25,700	20,100	-1.89	-0.85	3.32	13.35	8.6	1.0	11.9	18.6	30.4
	GAS	159,302	68,000	83,725	68,000	-0.15	-0.73	-1.02	-8.74	14.5	2.7	18.5	1.7	47.3
	POW	27,634	11,800	15,300	10,450	-1.67	-1.67	-6.72	3.51	20.3	0.9	4.3	3.8	45.2
	BWE	10,271	46,700	48,050	35,526	-0.85	-0.95	-0.64	30.49	19.2	2.0	10.9	11.6	37.4
	QTP	6,165	13,700	17,700	13,500	-0.72	-0.72	-2.84	-8.05	10.1	1.2	10.7	0.9	48.1
Dầu khí	PLX	48,854	38,450	51,700	34,500	0.79	-0.13	-3.88	10.17	16.2	1.9	11.9	17.4	2.6
	PVS	16,251	34,000	47,300	31,800	0.59	-0.58	0.59	-10.99	15.1	1.2	8.3	19.4	29.6
	PVD	13,063	23,500	34,300	23,000	0.21	-2.49	1.08	-16.67	23.5	0.8	4.5	10.1	38.9
	PVT	9,879	27,750	32,000	23,636	-0.72	0.18	2.40	14.33	9.1	1.3	15.2	12.6	36.4

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 03/01/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
May mặc và trang sức	PNJ	32,642	96,600	109,600	83,100	-1.33	-1.02	3.21	12.33	16.0	3.1	20.2	49.0	0.0
	TCM	4,838	47,500	53,600	36,273	-0.73	-1.76	-1.55	28.22	21.9	2.2	10.6	49.6	0.4
	PTB	4,351	65,000	76,500	53,900	-1.81	-1.07	1.09	14.24	13.2	1.5	11.9	23.4	1.6
	MSH	3,901	52,000	53,900	36,500	0.78	-1.33	8.33	37.20	11.5	2.0	18.5	4.9	44.2
	TNG	3,114	25,400	28,300	17,500	0.00	-0.78	1.60	35.80	10.8	1.7	15.9	16.6	32.4
Bán lẻ	MWG	85,643	58,600	70,200	41,800	-3.30	-4.56	-2.01	35.65	28.9	3.2	11.8	46.1	3.0
	FRT	25,545	187,500	195,000	97,400	0.37	2.01	4.40	78.57	241.9	14.1	6.0	37.2	11.8
	DGW	8,811	40,200	53,769	40,050	-2.66	-1.59	-5.08	-6.51	22.2	3.1	14.4	20.0	29.0
Phần mềm và dịch vụ	FPT	219,189	149,000	151,900	81,826	-1.97	-0.40	2.76	77.93	29.1	7.3	28.1	45.6	3.4
	CMG	10,430	49,350	67,207	33,694	0.10	1.63	-6.04	24.07	31.8	3.8	12.4	35.3	14.7
Truyền thông	FOX	47,576	96,600	115,000	51,900	-0.31	1.15	-1.43	86.85	22.2	5.4	26.2	0.0	0.0
Vận tải	ACV	268,853	123,500	138,000	64,100	-2.45	-0.80	1.23	87.69	37.2	5.3	18.0	3.6	45.4
	VJC	53,890	99,500	119,400	98,900	-0.40	-1.68	-1.97	-7.61	39.5	3.2	8.5	13.1	16.9
	GMD	27,240	65,800	73,671	57,914	-0.60	-1.05	2.81	7.30	18.5	2.6	14.7	46.1	2.9
	VTP	17,561	144,200	146,800	56,500	0.14	8.83	1.55	149.05	63.6	11.8	18.5	7.3	41.7
	SCS	7,544	79,500	95,000	65,500	-1.12	-6.47	-0.87	15.22	11.6	5.1	46.3	21.8	8.3
	HAH	5,903	48,650	51,300	32,609	-1.62	-0.71	1.67	44.94	14.9	2.0	14.2	13.5	16.5
	VIP	965	14,100	17,150	10,800	0.00	-1.05	-1.74	24.78	14.8	0.8	5.2	9.7	39.3

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 03/01/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul)

One-Asia Equity Sales Team
Mirae Asset Center 1 Building
26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539
Korea

Tel: 82-2-3774-2124

Mirae Asset Securities (USA) Inc.

810 Seventh Avenue, 37th Floor
New York, NY 10019
USA

Tel: 1-212-407-1000

PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia

District 8, Treasury Tower Building Lt. 50
Sudirman Central Business District
Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-54
Jakarta Selatan 12190
Indonesia

Tel: 62-21-5088-7000

Mirae Asset Securities Mongolia UTsk LLC

#406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17
1 Khoroo, Sukhbaatar District
Ulaanbaatar 14240
Mongolia

Tel: 976-7011-0806

Shanghai Representative Office

38T31, 38F, Shanghai World Financial Center
100 Century Avenue, Pudong New Area
Shanghai 200120
China

Tel: 86-21-5013-6392

Mirae Asset Securities (HK) Ltd.

Units 8501, 8507-8508, 85/F
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon
Hong Kong

Tel: 852-2845-6332

Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc.

555 S. Flower Street, Suite 4410,
Los Angeles, California 90071
USA

Tel: 1-213-262-3807

Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd.

6 Battery Road, #11-01
Singapore 049909
Republic of Singapore

Tel: 65-6671-9845

Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd

2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699

Ho Chi Minh Representative Office

7F, Saigon Royal Building
91 Pasteur St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3910-7715

Mirae Asset Securities (UK) Ltd.

41st Floor, Tower 42
25 Old Broad Street,
London EC2N 1HQ
United Kingdom

Tel: 44-20-7982-8000

Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM

Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building
Vila Olimpia
Sao Paulo - SP
04551-060
Brazil

Tel: 55-11-2789-2100

Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC

7F, Le Meridien Building
3C Ton Duc Thang St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)

Beijing Representative Office

2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)

Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited

Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST
Road, Kalina, Santacruz (East), Mumbai – 400098
India

Tel: 91-22-62661336